

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ M  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 102/2017/DS-ST

Ngày: 16/8/2017

V/ v Tranh chấp “Đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

**1. Ông Trần Tuấn Thanh.**

**2. Ông Trần Văn Thắng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Phạm Vân Trang** - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M, tỉnh Tiền Giang: Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại Toà án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2017/TLST-DS ngày 14/6/2017 về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2017/QĐ-ST ngày 10/7/2017 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Nguyệt A, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 114 đường T, Phường 4, Thành phố M, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn N, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: số 114 đường T, Phường 4, Thành phố M, Tiền Giang.

\* Bị đơn: 1/ Ông Lê Văn U, sinh năm 1968 (có mặt).

2/ Bà Phan Thị Mỹ B, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 37 Khu phố 2, Phường 10, Thành phố M, Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: 183 Khu phố 2, Phường 10, Thành phố M, Tiền Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn N, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: 114 Trần Hưng Đạo, Phường 4, Thành phố M, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải, đối chất và tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn N- đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Nguyệt A, và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Phan Thị Mỹ B và ông Lê Văn U có chơi hụi với vợ ông là bà Đặng Thị Nguyệt A, tuy nhiên bà B và ông U tham gia bao nhiêu phần và dây hụi nào thì ông không biết, không nhớ rõ do thời gian quá lâu và do vợ ông lập nhiều dây hụi. Khi chơi Bà B có hốt đầu. Sau đó bà B không có tiền đóng hụi nên đến gặp bà A mượn tiền để xoay sở. Bà A có cho mượn vài lần, mỗi lần từ 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng.

Khoảng năm 2007, ông có chở bà A đến gặp ông U và bà B để thu tiền hụi và tiền mượn nhưng thu nhiều lần mà bà B và ông U không đóng được nên ngày 11/8/2009 bà Anh và vợ chồng ông U và bà B có ngồi lại tổng kết số tiền Ông U và bà B nợ bà A, các bên xác định lại số nợ và thống nhất phương thức trả. Khi đó vợ chồng U và B không viết được nên ông có viết dùm tờ cam kết trả nợ ngày 11/8/2009. Sau khi viết thì ông có đọc lại cho ông U và bà B nghe, ông U và bà B thống nhất nên ông bà mới đồng ý ký tên.

Sau khi làm giấy cam kết thì ông U và bà B không thực hiện trả theo thỏa thuận, không trả khoản tiền nào mà cứ hẹn. Ông có đến nhà đề nghị ông U và bà B trả tiền vì bà A đang thi hành án, hoàn cảnh gia đình ông khó khăn, nhưng ông U và bà B không trả. Lúc đó do vì gia đình ông mắc nợ, không có tiền đóng tạm ứng án phí nên bà A không làm thủ tục khởi kiện được, đến nay ông sắp xếp được tiền nên mới bà Anh mới khởi kiện.

Nay bà A yêu cầu ông U và bà B liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng theo cam kết ngày 11/8/2009. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bà Phan Thị Mỹ B trình bày:

Khoảng năm 2007 bà có chơi hụi do bà A làm chủ hụi. Bà tham gia dây hụi 10.000.000 đồng, có 15 phần, bà có hốt đầu, nhưng không nhớ thời gian cũng như số tiền hốt. Bà đóng hụi chết được 10 kỳ, tổng cộng 100.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng. Sau đó vì làm ăn khó khăn nên bà xin bà A cho bà hốt đầu tiếp dây hụi mới 5.000.000 đồng, bà không nhớ thời gian và số tiền hốt. Sau khi hốt đầu dây hụi 5.000.000 đồng, bà đã trả 40.000.000 đồng tiền nợ hụi của dây cũ. Bà đóng hụi chết được 5 kỳ, tổng cộng 25.000.000 đồng.

Sau đó bà xin bà A trả góp 100.000 đồng/ngày. Bà trả được 4 tháng, tổng cộng 12.000.000 đồng. Do đó bà còn nợ lại bà A 48.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà không trả thêm khoản tiền nào cho bà A. Việc chơi hụi, đóng hụi, trả tiền, góp tiền bà xác định không có giấy tờ chứng minh. Ngày 11/8/2009 bà Anh và vợ chồng bà (chồng bà là anh Lê Văn U) có làm tờ cam kết trả nợ. Tờ cam kết trả nợ này do ông N viết dùm, sau khi viết ông N có đọc lại cho vợ chồng bà nghe nhưng không có đọc đến số tiền 100.000.000 đồng. Vợ chồng bà xác định có ký tên trong tờ cam kết và có cam kết trả 3.000.000 đồng/tháng, vì bà A nói ký xác nhận nợ để cho các hụi viên khác xem làm tin, ông bà thấy bà A cũng khó khăn nên ông bà đồng ý ký tên.

Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A. Bà đồng ý trả cho bà A số tiền 48.000.000 đồng còn thiếu, xin trả 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền trên. Bà xác định không có tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án.

Ngoài ra không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

\* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn U trình bày:

Ông là chồng của bà Phan Thị Mỹ B. Ông thống nhất lời trình bày của bà B. Ông không tham gia chơi hụi với bà A cũng không biết bà B có chơi hụi với bà Anh. Ngày 11/8/2009, bà A và ông N đến nhà gặp vợ chồng ông bà để xác định lại số nợ. Khi đó ông N có viết dùm vợ chồng ông bà tờ cam kết trả nợ và có đọc lại cho ông bà nghe nội dung, nhưng không có đọc đến số tiền 100.000.000 đồng. Ông xác định có ký tên trong tờ cam kết và có cam kết trả 3.000.000 đồng/tháng.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A. Ông đồng ý liên đới với bà B trả cho bà A số tiền 48.000.000 đồng còn thiếu, xin trả 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền trên. Ông xác định không có tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án.

Ngoài ra không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

\* Ông Lê Văn N giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử: Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy bà Phan Thị Mỹ B và ông Lê Văn U đều thừa nhận sau khi viết thì ông N có đọc lại nội dung tờ cam kết trả nợ ngày 11/8/2009, ông bà có ký tên trong tờ cam kết trả nợ này và có cam kết trả 3.000.000 đồng/tháng, nhưng việc ông bà cho rằng ông N khi đọc lại nội dung tờ cam kết không đọc đến số tiền 100.000.000 đồng nên ông bà không biết nội dung cam kết trả 100.000.000 đồng, là không có cơ sở. Vì vấn đề này không được ông N thừa nhận và trong tờ cam kết cũng thể hiện rõ số tiền 100.000.000 đồng (ghi bằng số), ông bà cho rằng không biết nhưng thừa nhận vẫn đồng ý ký tên mà không có ý kiến gì. Mặt khác quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà B và ông U cũng xác định không có tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án chứng minh cho lời trình bày của ông bà, nên lời trình bày của ông bà không có cơ sở xem xét.

Do đó việc bà Đặng Thị Nguyệt A khởi kiện yêu cầu Bà Phan Thị Mỹ B và ông Lê Văn U liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình tố tụng và tại Tòa, Bà Phan Thị Mỹ B và ông Lê Văn U thừa nhận bà B có chơi hụi do bà Đặng Thị Nguyệt A làm chủ, ông U và bà B có làm Tờ cam kết trả nợ vào ngày 11/8/2009. Nay bà Anh khởi kiện yêu cầu bà B và ông U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 100.000.000 đồng theo nội dung cam kết. Do đó tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Đòi tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố M. Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung theo quy định pháp luật.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bà Phan Thị Mỹ B và ông Lê Văn U đều thừa nhận có ký tên trong Tờ Cam kết ngày 11/8/2009. Ông bà xác định có cam kết trả cho bà Anh 3.000.000 đồng/tháng nhưng ông bà cho rằng khi đọc lại cho ông bà nghe nội dung Tờ Cam kết thì ông N không đọc đến số tiền 100.000.000 đồng, nên ông bà có ký nhưng không biết số tiền 100.000.000 đồng.

Xét lời trình bày của ông bà không được ông Lê Văn N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời cũng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thừa nhận. Mặt khác, nội dung Tờ Cam kết ngày 11/8/2009 có ghi rõ: “ ..Tổng số tiền vợ chồng B thiếu là 100.000.000 đồng ( Một trăm triệu đồng chẵn). Mỗi tháng trả 3.000.000 đồng (ba triệu chẵn) vào ngày trả ngày 11 hàng tháng. Nếu không đúng như tờ cam kết thì hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Điều này cho thấy ngoài câu chữ thì trong nội dung Tờ Cam kết còn ghi rõ số tiền 100.000.000 đồng, ông U và bà B cho rằng ông N không đọc đến số tiền 100.000.000 đồng nhưng khi ký tên, ông bà không có ý kiến gì về con số 100.000.000 đồng trong Tờ cam kết, là không có cơ sở.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bà B và ông U cũng xác định không có tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án chứng minh cho lời trình bày của ông bà, cũng như không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền ông bà hốt hụi, đóng hụi, đóng tiền góp cho bà A và các chứng cứ chứng minh ông bà chỉ còn nợ bà A số tiền 48.000.000 đồng, lời trình bày của ông bà không được ông Lê Văn N- đại diện theo ủy quyền của bà A thừa nhận, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Về việc bà B và ông U xin trả dần số tiền nợ hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, cho đến khi hết số tiền 48.000.000 đồng: xét yêu cầu trên không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý. Theo quy định tại Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc bà A yêu cầu bà B và ông U liên đới trả 01 lần số tiền nợ là có cơ sở.

Do đó việc bà A yêu cầu bà B và ông U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nhận định ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Phan Thị Mỹ B và ông Lê Văn U phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 184, Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 160, Điều 256, Điều 298, Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Nguyệt A.

Buộc Bà Phan Thị Mỹ B và ông Lê Văn U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Nguyệt A số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Mỹ B và ông Lê Văn U có nghĩa vụ liên đới chịu 5.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị Nguyệt A số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 32067 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân Thành phố M.
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP M .
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

**Trần Ngọc Hạnh**